Mẫu số 27-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 84/2019/HS-ST.
Ngày: 09/12/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Xuân Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hảo

2. Ông Huỳnh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Tuyến – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2019/HSST-QĐ ngày 27 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

- Phạm Văn H, sinh ngày 26 tháng 01 năm 1999; tại: tỉnh Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú: Tổ 5, Khu phố H, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D, sinh năm: 1962 (còn sống) và bà Phạm Thị T, sinh năm: 1968 (còn sống); gia đình bị cáo có 04 anh em. Bị cáo là con út trong gia đình và chưa có vợ, con; Tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/12/2017 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 04/QĐ/CQĐT ngày 18/12/2017 của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu. Hiện

đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Lai Thái Phương Q, sinh ngày 24 tháng 6 năm 1999; tại: tỉnh Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Số nhà 08, Tổ 1, đường Lê Đại Hành, Khu phố T, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lai Quốc P, sinh năm: 1971 (còn sống) và bà Thái Thị Kiều M, sinh năm: 1975 (còn sống); gia đình bị cáo có 02 anh em. Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình và chưa có vợ, con; Tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/12/2017 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 03/QĐ/CQĐT ngày 06/12/2017 của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Đỗ Ngọc D, sinh ngày 04 tháng 7 năm 1998; tại: tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Ngọc Đ, sinh năm: 1972 (còn sống) và bà Đỗ Thị Phương Q, sinh năm: 1977 (còn sống); gia đình bị cáo có 05 anh em. Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình và chưa có vợ, con; Tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/3/2019 theo Lệnh tạm giam số 226B/L-CQĐT ngày 28/01/2019 của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

**** Bị hại:*** Anh Lê Đình Hải A, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 8, Khu phố T, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*** Ông Lai Quốc P, sinh năm: 1971 (có mặt).

Trú tại: Số nhà 08, Tổ 1, đường Lê Đại Hành, Khu phố T, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

**** Người làm chứng:***

- Chị Lê Thị Kim H, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 11, Khu phố B, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Chị Nguyễn Ngọc Tr, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Chị Trần Thị Mộng Tr, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 2, Khu phố M, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Chị Phạm Thị Thùy T, sinh ngày 20/8/2002 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 12B, Khu phố H, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp cho chị Trang là: Bà Trần Thị Bích Th, sinh năm 1983 (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Công Th, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Bùi Cao T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Nguyễn Văn Thành Đ, sinh năm 1998 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Nguyễn Xuân K, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp B, xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Phạm Trường Kh, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bo, xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

**** Người giám định:***

- BSCK1 Trần Văn Hoàng – Giám định viên, Giám đốc Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai (không triệu tập).

- BSCK1 Nguyễn Gió – Giám định viên Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai (không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 09/11/2017, Phạm Văn H, Lai Thái Phương Q, Đỗ Ngọc D, Trần Trung Đ, Nguyễn Văn Thành Đ1, Nguyễn Văn L và Phạm Trường Kh cùng đến uống rượu tại quán "Tuấn Hàu" thuộc Khu phố N, thị trấn V, huyện C. Cả nhóm nhậu đến khoảng 00 giờ ngày 10/11/2017, do đã khuy nên chủ quán dọn nghỉ. H và nhóm bạn trên rủ nhau đến quán lòng nướng "Thu Hà" thuộc Khu phố B, thị trấn V, huyện C để nhậu tiếp. Tại quán lúc này có anh Lê Đình Hải A cùng các bạn gồm: Anh Nguyễn Công Th, anh Bùi Trần Cao T, chị Phạm Thị Thùy T, chị Nguyễn Ngọc Tr và chị Trần Thị Mộng T đang ngồi nhậu trong quán. H và nhóm bạn xin nhậu thì chủ quán không bán nữa vì đã khuya. Lúc đó, H nghe người trong nhóm của anh A chửi nhóm của H. Tức giận, H chở Đ về nhà Đ lấy 02 con dao tự chế (01 con dao dài khoảng 60cm, 01 con dao dài khoảng 80cm mà H đã cất giấu trước đó tại nhà của Đ) cất giấu dưới yên xe rồi chở Đ quay lại quán lòng nướng "Thu Hà". H đưa

cho Q 01 con dao dài khoảng 60cm, còn lại con dao dài 80cm vẫn để trên yên xe mô tô. Đ cầm 01 con dao Thái Lan dài khoảng 20 cm cất trong túi áo khoác đem theo trước đó. Khi thấy nhóm của anh A đang tính tiền để ra về thì H đến gặp và hỏi anh A "Mấy anh chửi cái gì?", anh A trả lời "Sợ quá", anh A vừa dứt lời H và Q cầm dao đuổi, anh A bỏ chạy vào trong hẻm quán "Thu Hà". H và Q đuổi một đoạn không kịp nên quay lại cùng nhóm bạn điều khiển xe máy đến khu vực Ngã tư Bệnh viện thuộc Khu phố B, thị trấn V rồi quay lại thì thấy anh T đang cầm 04 vỏ chai bia bằng thủy tinh đứng trước quán. Thấy vậy, Q cầm dao cùng Đ và D đuổi đánh anh T thì Kh giật lấy con dao của Q không cho đánh anh T. Anh T bỏ chạy vào trong hẻm quán "Gỏi Cá" bên hông quán "Thu Hà" thì Đ và D đuổi theo. H thấy anh A chạy vào con hẻm đi vào nhà vệ sinh của quán nên cầm dao đuổi theo. Thấy vậy, Q cũng giật lấy dao và đuổi theo, anh A chạy đến hẻm cụt thì H đuổi kịp nên nói "Anh em có gì từ từ nói", H chửi anh A rồi dùng dao chém từ trên xuống trúng tay và người của anh A. H tiếp tục chém thì anh A dùng tay giữ được dao của H nên H nói "Nó giữ dao kìa", Q thấy vậy xông đến dùng dao chém 01 nhát trúng lưng và 01 nhát trúng đầu anh A, tiếp tục chém nhát tiếp theo thì anh A dùng tay giữ được con dao của Q. Sau khi đuổi anh T nhưng không kịp D quay lại thì thấy anh A đang dùng hai tay giữ dao và đang giằng co với H và Q nên D dùng mũ bảo hiểm đánh trúng vai và tay anh A. Anh A buông 02 con dao ra và vùng chạy ra đường thì H cầm dao đuổi theo chém với phía sau lưng nhưng không trúng. Sau khi chém anh A xong Q đưa lại con dao dài 60cm cho H cất giữ, trên đường về nhà H đã vứt bỏ không xác định nơi vứt. Đ sau khi đuổi không kịp anh T quay lại cùng nhóm bạn đi về. Anh A được bạn đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Cửu.

* Tang vật thu giữ: 01 mũ bảo hiểm màu đen.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y số: 0950/GĐPY/2017 ngày 20/11/2017 của Trung tâm pháp y Đồng Nai kết luận:

- Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Tổn thương đứt thần kinh quay đoạn 1/3 giữa cẳng tay trái đã phẫu thuật khâu nối. Tỷ lệ: 26%.

+ Tổn thương đứt động mạch quay đoạn 1/3 giữa cẳng tay trái đã phẫu thuật khâu nối. Tỷ lệ: 04%.

+ Vết thương chẩm giữa kích thước 04cm x 0,3cm, vết thương đỉnh trái kích thước 05cm x 0,3cm, vết thương cánh tay trái kích thước 04cm x 0,2cm, vết thương cẳng tay trái kích thước 13cm x 0,2cm và vết thương ngón I bàn tay trái kích thước 1,5cm x 0,2cm. Tỷ lệ 05%.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể (Áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Lê Đình Hải A là 33%.

- Vật gây thương tích: Vật sắc.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 0359A/GĐHS/2019 ngày 19/4/2019 của Giám định viên Trung tân pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận cơ chế hình thành thương tích của anh Lê Đình Hải A: Dấu hiệu chính qua giám định hồ sơ bệnh án và tài liệu hiện có: Tổn thương chính: Vết thương trán – đỉnh trái kích thước 05cm. Vết thương chẩm giữa kích thước 05cm. Vết thương 1/3 dưới mặt sau cánh tay trái kích thước 04cm. Vết thương 1/3 giữa mặt trước ngoài cẳng tay trái kích thước 08cm gây đứt bó mạch thần kinh quay, gấp nông ngón II, III, IV, V. Vết thương đốt 1 ngón I bàn tay trái kích thước 1,5cm. 03 vết xước da vùng lưng (một vết vùng bả vai trái, một vết vùng lưng trái và một vết vùng lưng phải).

* Kết luận theo nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định:

- Vết thương 1/3 dưới mặt sau chánh tay trái kích thước 04cm gần khuỷu trái, có dạng chữ V, tổn thương có đặc điểm rách da bờ mép sắc gọn, đứt tổ chức dưới da, không tổn thương sâu cơ mạch máu và thần kinh bên dưới, kèm theo đuôi xước da 03 x 0,1cm. Tổn thương này do vật sắc tác động theo hướng từ ngoài vào trong và từ trên xuống dưới theo trục gây ra.

- 03 vết xước da vùng lưng, tổn thương lớp thượng bì và không làm rách lớp hạ bì bên dưới.

* Tang vật vụ án: 02 con dao tự chế (01 con dao dài khoảng 60cm, 01 con dao dài khoảng 80cm) và 01 con dao Thái Lan dài khoảng 20cm trên đường về nhà Hiền và Đ đã vứt bỏ, không xác định nơi vứt nên không có cơ sở truy tìm.

* Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Anh Lê Đình Hải A yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 154.326.365 đồng. Bà Phạm Thị T là mẹ bị cáo H đã tự nguyện bồi thường số tiền 30.000.000 đồng cho ông Lê Văn H là cha của anh Lê Đình Hải A. Ông Lai Quốc P là cha của bị cáo Lai Thái Phương Q đã tự nguyện bồi thường 76.000.000 đồng cho anh Lê Đình Hải A. Ngày 23/4/2018 ông P nộp bồi thường trước xét xử 10.000.000 đồng. Bị hại không yêu cầu bồi thường thêm đối với bị cáo Lai Thái Phương Q. Ông Đỗ Ngọc Đ cha của Đỗ Ngọc D đã tự nguyện bồi thường 10.000.000 đồng cho anh Lê Đình Hải A.

* Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo, bị hại không có ý kiến gì về Bản kết luận giám định về thương tích của bị hại Lê Đình Hải A.

* Cáo trạng số: 65/CT-VKSVC ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Phạm Văn H, Lai Thái Phương Q và Đỗ Ngọc D về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm điểm a, i khoản 1, c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, i khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, Lai

Thái Phương Q từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, Đỗ Ngọc D từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Văn H bồi thường cho anh Lê Đình Hải A số tiền 20.000.000 đồng. Trả lại cho anh Lê Đình Hải A 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo tự bào chữa:

- Phạm Văn H: Thống nhất bản luận tội. Bị cáo rất hối hận với hành vi của mình, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Lai Thái Phương Q: Thống nhất bản luận tội. Bị cáo rất hối hận với hành vi của mình, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm đoàn tụ với gia đình và trị bệnh.

- Đỗ Ngọc D: Thống nhất bản luận tội. Bị cáo rất hối hận với hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Ý kiến của ông Lai Quốc P: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

* Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người bào chữa, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn H, Lai Thái Phương Q, Đỗ Ngọc D đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại anh Lê Đình Hải A, người làm chứng chị Nguyễn Ngọc Tr, chị Trần Thị Mộng T, chị Phạm Thị Thùy T, anh Bùi Cao T, anh Nguyễn Công Th, anh Nguyễn Văn L, Bản kết luận giám định pháp y và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, các bị cáo Phạm Văn H, Lai Thái Phương Q, Đỗ Ngọc D đã phạm tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện vào ngày 10/11/2017, trước thời điểm Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật

Hình sự năm 1999. Nhưng theo quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội "Cố ý gây thương tích" có mức hình phạt nặng hơn so với hình phạt quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/NQ-QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, Tòa án áp dụng quy định có lợi cho các bị cáo theo quy định của Bộ luật Hình năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi xét xử. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu truy tố là có căn cứ.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của công dân là anh Lê Đình Hải A (với tỉ lệ thương tật là 33 %) được pháp luật hình sự bảo vệ, gây bất bình cho bị hại và quần chúng nhân dân, gây mất an ninh, trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, biết được hoặc phải biết việc gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, đã sử dụng rượu, bia, không làm chủ được bản thân cố ý dùng dao tự chế, nón bảo hiểm thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra.

[4]. Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, hình thức đồng phạm không có sự câu kết chặt chẽ giữa các bị cáo, thể hiện vai trò của từng bị cáo như sau: Bị cáo Phạm Văn H là người cầm đầu. Mặc dù không biết có ai chửi mình hay không, dù đã được can ngăn nhưng vẫn về nhà Đ lấy 02 dao tự chế tự mình dùng 01 dao và đưa cho Q 01 dao để thực hiện việc gây thương tích cho anh A; Bị cáo Lai Thái Phương Q là người thực hành tích cực: Không biết nhóm của anh A có chửi mình hay không nhưng khi được Hiền đưa 01 dao tự chế, không những không can ngăn mà đã cầm, tham gia đuổi, đánh. Sau đó trực tiếp chém gây thương tích cho anh A; Bị cáo Đỗ Ngọc D là người giúp sức: Cũng không biết có bị nhóm của anh A chửi mình hay không nhưng khi thấy H, Q đánh nhau với nhóm của anh A không những không can ngăn mà còn dùng nón bảo hiểu đuổi đánh nhóm của anh A và anh A. Mặc dù thương tích của anh A không do bị cáo D gây ra nhưng do hành vi hung hăng của D là động lực giúp cho H, Q vững tin về mặt tinh thần từ đó H, Q gây thương tích cho anh A.

[5]. Về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo Phạm Văn H, Lai Thái Phương Q, Đỗ Ngọc D: Có nhân thân tốt thể hiện việc tại thời điểm phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017). Riêng bị cáo Đỗ Ngọc D có bà nội Nguyễn Thị N là mẹ Việt Nam anh hùng, chú ruột ông Đỗ D, ông Đỗ Thanh B là liệt sĩ nên được hưởng thêm

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[7]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[8]. Từ đó Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[9]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Trả lại cho anh Lê Đình Hải A 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen không kính chắn gió do không liên quan đến vụ án (theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai).

- Vật chứng là 02 dao tự chế, không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, anh Lê Đình Hải A yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 154.326.365 đồng, gồm các khoản: Chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút là 32.576.965 đồng, thu nhập thực tế bị mất, bị giảm sút là 108.000.000 đồng (300.000 đồng/ngày x 12 tháng), chi phí cho người chăm sóc là 3.750.000 đồng, chi phí khác 10.000.000 đồng. Căn cứ Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xem xét chỉ chấp nhận các khoản bồi thường sau: Chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút là 32.576.965 đồng, thu nhập thực tế bị mất, bị giảm sút là 7.800.000 đồng (300.000 đồng/ngày x 26 ngày), chi phí cho người chăm sóc là 3.750.000 đồng và khoản tiền bồi thường do tổn thất về tinh thần là 25.330.000 đồng. Tổng cộng: 69.456.965 đồng. Đối với các chi phí khác, bị hại không có chứng cứ chứng minh, không phù hợp quy định của pháp luật nên không chấp nhận. Tuy nhiên, sau khi sự việc xảy ra, bà Phạm Thị T là mẹ bị cáo H đã tự nguyện bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, ông Lai Quốc P là cha của bị cáo Lai Thái Phương Q đã tự nguyện bồi thường 76.000.000 đồng, ông Đỗ Ngọc Đ cha của Đỗ Ngọc D đã tự nguyện bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho anh Lê Đình Hải A. Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn H tự nguyện bồi thường cho bị hại anh Lê Đình Hải A số tiền 20.000.000 đồng. Xét thấy việc bồi thường trên là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận.

- Đối với số tiền 10.000.000 đồng ông Lai Quốc P nộp để khắc phục hậu quả trước khi xét xử cho bị cáo Lai Thái Phương Q (theo Biên lai thu số 0001884 ngày 23/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai). Tuy nhiên, bị hại anh Lê Đình Hải A không yêu cầu bị cáo Lai Thái Phương Q phải bồi thường thêm nên trả lại cho ông Lai Quốc P số tiền này.

[10]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 22, điểm a, f khoản 1 Điều 23, Điều 47 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiết 1 mục I, điểm b tiểu mục 1.3 tiết 1 mục II phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo Phạm Văn H, Lai Thái Phương Q, Đỗ Ngọc D phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị hại anh Lê Đình Hải A được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận.

[11]. Đối với đối tượng Trần Trung Đ: Có vai trò đồng phạm trong vụ án nhưng đã vắng mặt nơi cư trú nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã tách để xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét nhưng kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp tục xác minh, điều tra để xử lý Trần Trung Đ theo quy định của pháp luật.

[12]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 45, 46, 250, 254, 255, 259, 260, 262, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269, các Điều 292, 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333, 336, 337, 339 và Điều 509 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ điểm a, i khoản 1, khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 1, điểm b khoản 1 Điều 2, Điều 4, khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

[1]. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H, Lai Thái Phương Q, Đỗ Ngọc D phạm tội "Cố ý gây thương tích";

[2]. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

* Đối với bị cáo Phạm Văn H: Căn cứ điểm a, i khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134, Điều 17, điểm đ khoản 1 Điều 32, các Điều 38, 50, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 1 Điều 1, Điều 4 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2017.

* Đối với bị cáo Lai Thái Phương Q: Căn cứ điểm a, i khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134, Điều 17, điểm đ khoản 1 Điều 32, Điều 38, 50, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 1 Điều 1, Điều 4 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc

Hội. Xử phạt bị cáo Lai Thái Phương Q 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2017.

* Đối với bị cáo Đỗ Ngọc D: Căn cứ điểm a, i khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134, Điều 17, điểm đ khoản 1 Điều 32, Điều 38, 50, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 1 Điều 1, Điều 4 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Xử phạt: bị cáo Đỗ Ngọc D 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/3/2019.

[3]. Tiếp tục tạm giam các bị cáo Phạm Văn H, Lai Thái Phương Q, Đỗ Ngọc D để bảo đảm thi hành án.

[4]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 47, khoản 2 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357, 468, 584, 585, 587 và 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015

- Trả lại cho anh Lê Đình Hải A 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen (theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai).

- Trả lại cho ông Lai Quốc P 10.000.000 (mười triệu) đồng (theo Biên lai thu số 0001884 ngày 23/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai).

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Văn H bồi thường cho anh Lê Đình Hải A số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hánh án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 22, điểm a, f khoản 1 Điều 23, Điều 47 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiết 1 mục I, điểm b tiểu mục 1.3 tiết 1 mục II phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo Phạm Văn H, Lai Thái Phương Q, Đỗ Ngọc D phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị hại anh Lê Đình Hải A được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Phạm Văn H, Lai Thái Phương Q, Đỗ Ngọc D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lai Quốc P được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Lê Đình Hải A được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo (03);
- Bị hại (01);
- Người có QLNVLQ đến vụ án (01);
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND H. Vĩnh Cửu (01);
- Cơ quan ĐT CA H. Vĩnh Cửu (01);
- Cơ quan THAHS CA H. Vĩnh Cửu (01);
- Chi cục THADS H. Vĩnh Cửu (01);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Võ Xuân Sơn